

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày 23-5-2019

V/v tranh chấp về thay đổi người trực tiếp
nuôi con sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Ông Phạm Văn Kho

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đào Quang Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thúy H, sinh năm 1981. Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng. Hiện trú tại: Thôn N, xã T1, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trương Văn P, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn ngày 14 tháng 3 năm 2019, bản tự khai ngày 18 tháng 4 năm 2019, nguyên đơn chị Dương Thúy H trình bày: Năm 2007, chị và anh Trương Văn P lấy nhau do tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức hỏi cưới và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại

UBND xã M. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm, sinh được 02 con chung. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013, do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đến cuối năm 2018 chị làm đơn xin ly hôn anh Phiến gửi đến Tòa án. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 29/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K, ghi nhận: "... Về con chung: Giao cháu Trương Thúy H, sinh ngày 08 tháng 07 năm 2008 và cháu Trương Đình P1, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2013 cho anh P nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở ...". Từ khi anh P nuôi hai con chung, anh P không đảm bảo được quyền lợi tốt nhất cho các con, thời gian chăm sóc cho con không nhiều. Do công việc của anh P là nhận thầu làm công nhân cho các công trình xây dựng nên thường đi làm từ sáng sớm đến chiều tối mới về đến nhà, có ngày đi qua đêm do trực đờ bê tông tại công trình. Các con đều nhờ bố mẹ đẻ anh P chăm sóc. Cháu P1 đi học anh P phải nhờ ông Vũ Văn K là bác rể anh P đưa, đón đi về hàng ngày. Thu nhập hàng tháng của anh P không ổn định, việc anh P trình bày có thu nhập 30.000.000 đồng/1 tháng là không đúng với thực tế. Hiện tại anh P gặp khó khăn về kinh tế, bởi anh P tuy là người nhận thầu nhưng trong tổng số tiền anh P được nhận từ Công ty, anh còn phải chi trả tiền thuê vật liệu, tiền ăn, chỗ nghỉ và lương cho công nhân. Sau khi trừ đi các chi phí đó thì thu nhập còn lại của anh P không nhiều, không đủ cho anh chi tiêu. Anh P vẫn đang phải vay nợ một số khoản, trong đó anh P thường xuyên phải vay tiền của ông Phạm Minh X ở thị trấn N, huyện K và phải trả lãi ngày để tạm ứng các chi phí và lương cho người lao động.

Chị Hạnh đang có công việc ổn định, làm công nhân tại Công ty TNHH S ở khu 5, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Thu nhập trung bình khoảng từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/01 tháng và còn có sổ gửi tiền tiết kiệm được 200.000.000 đồng. Chị đang sinh sống cùng nhà với mẹ đẻ, em trai ở thôn N, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng và đây cũng là chỗ ở ổn định, lâu dài của chị. Sau khi ly hôn, chị thường xuyên về thăm con, trước khi đến chị đã báo cho anh P nhưng anh P không nghe máy, khi nghe máy thì có lời nói không đúng với chị. Chị chỉ được gặp con một lần ở nhà do anh P đi vắng, sau đó anh P nói không cho chị gặp con ở nhà vì sợ bị mất trộm. Những lần khác chị đề nghị được gặp con thì anh P nói xuống nhà ông bà nội gặp, nhiều lần anh P có lời nói xúc phạm chị. Khi chị đến nhà bố mẹ anh Phiến thăm con và nói muốn đón cháu về nhà ngoại chơi thì bố anh P không cho chị đón con với lý do anh P cấm không cho đón. Để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung, chị đề nghị Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Chị nhận nuôi cháu Trương Đình P1, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2013 vì cháu còn nhỏ, cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ sẽ tốt hơn. Đối

với cháu Trương Thúy H, sinh ngày 08 tháng 07 năm 2008 đã biết tự chăm sóc bản thân nên chị vẫn để cháu cho anh P nuôi. Việc mỗi người nuôi một con chung sẽ giúp cho các con của chị có điều kiện phát triển toàn diện hơn. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh P tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19 tháng 4 năm 2019, anh P trình bày: Anh thống nhất với chị H về thời gian kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc, có hai con chung. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, năm 2018 chị H làm đơn xin ly hôn anh. Tháng 01 năm 2019, khi giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện K căn cứ vào sự thỏa thuận của anh chị, đã giao cả 02 con chung là cháu H và P1 cho anh nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị H có đến thăm con nhưng yêu cầu anh để con ở nhà (nơi anh chị sinh sống trước đây) để về thăm, anh không đồng ý với lý do: Nhà anh không để tùy tiện cho người lạ vào, xảy ra mất tài sản ai là người chịu trách nhiệm nên anh cho con về nhà bố mẹ để anh và yêu cầu chị H xuống đó để thăm con. Quan điểm của anh là không cho chị H đón các con về nhà chị H chơi, chỉ được thăm con khi anh có ở nhà. Lúc anh không có ở nhà thì con anh ở đâu thì đến đó mà thăm. Nhiều lần do bức tức, thiếu kiềm chế, anh có lời lẽ xúc phạm chị H, anh nói với chị H “Mày thăm con xong thì biến đi” nên chị H cho rằng anh có hành vi cản trở chị H thăm con, nên lời trình bày đó của chị H là không đúng. Anh nhận làm thuê cốp pha cho các công trình xây dựng trong thành phố Hải Phòng, công trình ở địa bàn nào anh làm việc ở đó. Sáng đi, chiều về để chăm sóc các con. Anh đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Tập đoàn V chuyên cung cấp cốp pha cho Công ty từ năm 2017, duy trì công việc đến nay. Vì làm công trình nên anh không có bằng lương thu nhập theo tháng để cung cấp cho Tòa án mà chỉ cung cấp được các phiếu chi. Số tiền trong các phiếu chi này anh còn phải chi trả tiền thuê vật liệu, tiền ăn, chỗ nghỉ và lương cho công nhân, số tiền còn lại là thu nhập của anh được khoảng 30.000.000 đồng/01 tháng, mỗi tháng trừ chi phí sinh hoạt của ba bố con, anh còn dư khoảng 25.000.000 đồng, đủ điều kiện lo cho các con ăn, học. Anh làm không có ngày nghỉ nên việc hàng ngày đưa đón cháu P1 đi học phải nhờ bác rể là Vũ Văn K giúp, cháu P1 ăn trưa tại trường. Cháu H1 tự đi xe đến trường và trưa anh nhờ bố mẹ đẻ của anh nấu cơm cho cháu H1 ăn, chăm sóc các cháu hàng ngày. Khi nào đi làm về anh tự chăm sóc các con. Do vậy, việc chị H xin thay đổi người nuôi con, nhận nuôi cháu P1, anh không đồng ý vì lời trình bày của chị H về điều kiện nuôi con của anh không đúng nên việc chị H xin nuôi con không có căn cứ. Anh P không đồng ý việc thay đổi người nuôi con, vẫn có nguyện vọng nhận nuôi cả hai con chung đến khi các con đủ 18 tuổi.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, theo lời trình bày và yêu cầu của chị Hạnh: Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại gia đình anh Phiến, gia đình chị Hạnh, thôn Tân Linh, Ủy ban nhân dân xã Minh Tân về điều kiện nuôi con và các vấn đề có liên quan khác giữa chị Hạnh, anh Phiến; sau khi tiến hành phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử, các đương sự đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ.

Tại phiên tòa, chị Hạnh giữ nguyên yêu cầu xin được thay đổi người nuôi cháu Phú. Về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Phiến vẫn giữ một phần quan điểm như đã trình bày tại bản tự khai ngày 19 tháng 4 năm 2019, biên bản hòa giải ngày 09 tháng 5 năm 2019 và trình bày bổ sung: Anh thừa nhận sau khi ly hôn, chị H về thăm con anh có lời lẽ xúc phạm chị, anh vẫn cho chị thăm con nhưng không cho chị đón con đi chơi hoặc đưa con về nhà ngoại. Số tiền trong các phiếu chi Công ty trả cho anh như anh đã cung cấp cho Tòa án, sau khi trừ đi các khoản chi phí như thuê vật liệu, tiền ăn, chỗ nghỉ và lương cho công nhân, số tiền còn lại là thu nhập trung bình của anh chỉ còn được khoảng 10.000.000 đồng/01 tháng nhưng vẫn đủ để chi phí cho ba bố con. Nay chị H có đơn khởi kiện xin thay đổi người trực tiếp nuôi cháu P1, anh không đồng ý vì anh vẫn đủ điều kiện về kinh tế và thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

1. Về tố tụng: Chị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện K giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn với anh P có nơi cư trú tại: Thôn T, xã M, huyện K, Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

2. Về con chung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ các điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề xuất: Chấp nhận đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị Dương Thúy H, giao cháu Trương Đình P1, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2013 cho chị H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Trương Văn P tiếp tục nuôi cháu Trương Thúy H1, sinh ngày 08 tháng 7 năm 2008 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 29/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện K. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Dương Thúy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" theo khoản 3 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về con chung: Qua lời trình bày và yêu cầu của các bên đương sự. Tòa án tiến hành xác minh, thu thập các tài liệu, chứng cứ về chỗ ở, thu nhập, thời gian làm việc, điều kiện chăm sóc trực tiếp các con chung của chị H, anh P tại gia đình anh P, gia đình chị H, chính quyền địa phương nơi anh P và các con đang sinh sống và những người có liên quan Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi ly hôn với chị H vào tháng 01 năm 2019 đến nay anh P không đảm bảo được các điều kiện về kinh tế và việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung, trong đó có cháu P1 do: Anh P nhận thầu làm công nhân cho các công trình xây dựng ở xa, nên thường xuyên phải ra khỏi nhà để đi làm từ khoảng 6 giờ đến 6 giờ 30 phút sáng, giờ về buổi chiều không cố định ngày sớm, ngày muộn. Có những ngày anh phải ở qua đêm tại công trường để trực đổ bê tông. Thu nhập hàng tháng của anh P không ổn định, sau khi nhận tiền thuê làm công nhân theo hợp đồng, anh Phiến còn phải chi trả tiền thuê vật liệu, tiền ăn, tiền nghỉ và tiền thuê công nhân làm, số tiền còn lại thuộc về anh Phiến chỉ được khoảng 10.000.000 đồng/01 tháng. Những lúc chi tiêu không đủ anh phải nhờ ông Vũ Văn K vay tiền lãi ngày hộ để chi phí các khoản. Thực tế ông K đã vay tiền hộ anh 02 đến 03 lần, hiện anh P vẫn chưa trả được. Anh P còn vay nguồn vốn nước sạch của Ngân hàng chính sách xã hội với số tiền

12.000.000 đồng đến nay chưa trả hết. Như vậy, việc anh P trình bày anh không có khó khăn về kinh tế, mỗi tháng trừ chi phí sinh hoạt của 03 bố con, anh còn dư khoảng 25.000.000 đồng là không đúng với thực tế. Tuy cháu H1 đã tự đi học được bằng xe đạp, nhưng đối với cháu P1, anh P vẫn phải nhờ đến bác rể là ông Vũ Văn K đưa đón đi học hàng ngày. Việc chăm sóc cho các con ăn uống, ngủ nghỉ hàng ngày anh P phải nhờ bố mẹ đẻ giúp. Những ngày hai cháu không đi học anh P lại để các cháu sang nhà bố mẹ đẻ anh P nhờ ông bà chăm sóc giúp. Bố anh P hiện đi lại rất khó khăn, phải chống bằng nạng do bị tai nạn giao thông từ 04 năm trước. Mẹ anh P đã già những vẫn phải đi làm từ sáng đến tối mới về nhà nên việc ông bà phải chăm sóc cả hai cháu cũng không được đảm bảo. Bản thân anh P thừa nhận, có những lần do nóng tính, thiếu kiềm chế nên anh P đã có lời lẽ xúc phạm chị H, cấm không cho chị đón cháu P1 đi chơi, không được đưa cháu về thăm nhà ngoại. Do đó, những lời lẽ, hành vi của anh P đối với chị H là không phù hợp với các quy định tại các điều 81, 82, 83, và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chị H hiện đang có chỗ ở ổn định cùng mẹ và em trai tại thôn N, xã T1, huyện T, thành phố Hải Phòng, chị đang làm công nhân ở gần nhà là Công ty TNHH S; địa chỉ: Khu 5, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng, thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/01 tháng. Chị còn có sổ gửi tiền tiết kiệm được 200.000.000 đồng tại Ngân hàng Việt Nam T. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ chị H đã cho chị H 01 lô đất và sẽ hỗ trợ chị về việc xây nhà riêng và chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P1 hàng ngày khi chị H đi làm. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu P1 cho thấy yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của chị H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thúy H về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là phù hợp.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về con chung: Giao cháu Trương Đình P1, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Dương Thúy H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA.0012209 ngày 11 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị H, anh P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng